

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 703/2026/TLST-HNG ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Trần Xuân Ngọc T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: **Số nhà I, đường H, Tổ dân phố A, Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Ông **Lê Nguyên P**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: **Số G đường T, Khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Xuân Ngọc T** và ông **Lê Nguyên P** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà **T** và ông **P** không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà **T** và ông **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Bà **T** và ông **P** xác định không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án do bà **Trần Xuân Ngọc T** và ông **Lê Nguyên P** mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Xuân Ngọc T** và ông **Lê Nguyên P** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2013).

- Về con chung: Bà **T** và ông **P** không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà **T** và ông **P** xác nhận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Bà **T** và ông **P** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà **Trần Xuân Ngọc T** và ông **Lê Nguyên P** mỗi người chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030848 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **T** và ông **P** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 6 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bình Tây, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thiên Kim

